**QUY TRÌNH**

**CÁC BƯỚC KIỂM SOÁT BỆNH TRUYỀN NHIỄM TRONG TRƯỜNG HỌC**

*(Đính kèm ngày tháng năm 2023)*

1. Các BTN cần được kiểm soát: phát hiện sớm, thu thập, theo dõi, đánh giá, phân tích

2. Biện pháp KSBTN trường học (6 hoạt động thường quy)

3. Hướng dẫn quản lý dữ liệu, theo dõi ổ dịch BTN trường học

**Chi tiết**

**1. Các BTN cần được kiểm soát: phát hiện sớm, thu thập, theo dõi, đánh giá, phân tích**

Tiếp tục theo dõi, duy trì báo cáo đến khi kết thúc ổ dịch/ chùm ca.

Đánh giá tình hình diễn biến của các trường hợp bệnh tại trường học, đề xuất, đưa ra phương pháp xử lý kịp thời, không để dịch bệnh ra rộng sang các lớp khác, hoặc bùng dịch.

Truyền thông, thông báo đến phụ huynh ca bệnh và các phụ huynh cùng lớp ca bệnh

Tiếp tục theo dõi, duy trì báo cáo đến khi kết thúc ổ dịch/ chùm ca

Báo cáo Trạm Y tế, phối hợp Trạm Y tế điều tra, xác minh

Phát hiện ca BTN, hoặc nhiều trường hợp có vấn đề sức khỏe trong cùng thời điểm

Báo cáo về Khoa KSBT

Thông báo, phối hợp nhân viên y tế trường học điều tra, xác minh

Ghi nhận thông tin ca bệnh

**Trạm Y tế**

**Trường học**

**2. Biện pháp kiểm soát BTN trường học (6 hoạt động thường quy)**

* Tiêm chủng đúng lịch của quốc gia..
* Rà soát, cập nhật, thống kê tiền sử tiêm chủng/ năm.
* Tổ chức các chiến dịch tiêm chủng khi có chỉ đạo.
* Triển khai: GV, NV các biện pháp KSBTN trường học.
* Sinh hoạt lớp và thường xuyên nhắc nhở học sinh – sinh viên.
* Thông báo PHHS các nội dung cần phối hợp.

**TRUYỀN THÔNG**

* Thực phẩm rõ nguồn gốc
* Đảm bảo vệ sinh trong chế biến thực phẩm

**AN TOÀN THỰC PHẨM**

**TIÊM CHỦNG PHÒNG BỆNH**

* Lớp học, đồ dùng, nhà vệ sinh, các bề mặt tiếp xúc.
* Không để phát sinh côn trùng, động vật truyền bệnh.

**VỆ SINH KHỬ KHUẨN MÔI TRƯỜNG**

* Rửa tay thường xuyên bằng xà phòng.
* Đảm bảo vệ sinh khi ho, hắt hơi…
* Đảm bảo vệ sinh khi ăn uống.

**VỆ SINH CÁ NHÂN**

* Phát hiện sớm, cách ly người bệnh.

**HẠN CHẾ NGUỒN LÂY**

**Diễn giải:**

**I. HẠN CHẾ NGUỒN LÂY**

**1. Phát hiện sớm**

* Giám sát, theo dõi hàng ngày
* Điểm danh từng lớp (yêu cầu ghi rõ lý do nghỉ học)
* Tổng hợp vào sổ hoặc file

**Quy trình xử trí khi phát hiện có ca nghi ngờ tại các cơ sở giáo dục**

*(trẻ, học sinh, sinh viên… gọi tắt là người học)*

Khử khuẩn lớp, vật dụng, đồ chơi sau khi người học rời khỏi lớp:

* Sàn lớp, bề mặt người học thường tiếp xúc.
* Đồ chơi, đồ dùng…

Quan sát lúc người học vào trường, trong giờ học, giờ ăn, giờ ngủ

Người học có các dấu hiệu sau: Sốt/mệt mỏi, lơ đễnh/ho/đau họng/ xuất hiện nốt bỏng nước ở bàn tay, chân, miệng/ hoặc có dấu hiệu bất thường về sức khỏe

Đưa người học đến phòng riêng, thông báo người nhà đến đón và đến cơ sở y tế khám

Thông báo ngay cho Trạm Y tế

Theo dõi, cập nhật tình trạng, kết quả khám của người học.

**2. Cách ly:**

**Bệnh truyền nhiễm**: không cho đến trường, không cho tiếp xúc với các các bạn xung quanh.

* Người học ở nhà không đi học → đi khám bệnh và thông báo GVCN.
* **Thầy cô**: theo dõi phát hiện sớm các biểu hiện nghi người học mắc bệnh → đưa đến nơi cách ly riêng → thông báo cho người nhà → đưa đi khám bệnh.
* **Thầy cô/nhân viên**: tạm nghỉ khi mắc bệnh hoặc đang chăm sóc người mắc bệnh truyền nhiễm.

**Các trường hợp người học tạm nghỉ do bệnh**

* Sức khỏe không tốt để học và sinh hoạt bình thường
* Cần sự chăm sóc mà y tế nhà trường không đáp ứng được
* Sốt ≥ 38oC, hành vi thay đổi, khóc thét, khó thở, ho nhiều, những dấu hiệu bệnh nặng thêm
* Mắc bệnh truyền nhiễm cần phải tạm nghỉ học theo khuyến nghị của y tế

*Lưu ý: người học chỉ đi học trở lại khi đã khỏi bệnh hoặc đã qua khỏi thời gian cách ly theo quy định.*

**II. VỆ SINH CÁ NHÂN**

**1. Rửa tay:**

- Có đủ bồn rửa, lắp đặt nơi thuận tiện, có xà phòng.

- Yêu cầu rửa bất cứ lúc nào tay bị bẩn.

- Nhắc nhở người học rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.

**2. Khi ho, hắt hơi:**

- Che miệng, mũi.

- Rửa tay ngay sau đó bằng nước và xà phòng.

**3. Khi ăn uống:**

- Mỗi cá nhân sử dụng đồ dùng ăn uống riêng

- Ly phải được rửa sau mỗi đợt người học uống

**III. VỆ SINH KHỬ KHUẨN MÔI TRƯỜNG**

**1. Vệ sinh - khử khuẩn:**

Trường cần có quy định cụ thể

**-** Mức độ: vệ sinh hàng ngày, khử khuẩn hàng tuần

**-** Tần suất: tối thiểu

**+** Vệ sinh 1 lần/ngày

**+** Khử khuẩn 1 lần/tuần

**+** Khử khuẩn ngay khi phát hiện ca bệnh tại trường

**+** Khử khuẩn mỗi ngày khi đang có ổ dịch bệnh truyền nhiễm

* Loại hóa chất: hóa chất khử khuẩn thông thường (javel), hóa chất khác theo quy định.
* Nguồn cung cấp: trường học tự trang bị.
* Hàm lượng: khi không có dịch, khi có dịch (theo quy định)
* Vị trí, khu vực cần vệ sinh khử khuẩn: các bề mặt tiếp xúc như sàn, vách phòng học; bàn ghế học sinh, vật dụng, đồ chơi; thư viện; hành lang; cầu thang; tay vịn cầu thang; nơi ăn/nghỉ, nhà vệ sinh.
* Phân công thực hiện rõ ràng: người quản lý - bảo quản, phân phát hóa chất, thực hiện vệ sinh…theo khu vực hoặc theo tầng.

**Bảng tóm tắt: chất khử khuẩn và nồng độ vệ sinh – khử khuẩn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Áp dụng** | **Tần suất** | **Nồng độ clor** | **Cách pha dung dịch** | |
| **Cloramin B cho 1 lít nước** | **Nước Javel theo hướng dẫn nhà sản xuất** |
| * Vệ sinh: đồ chơi, học cụ, bếp ăn. * Khử khuẩn khi không có bệnh (bề mặt nhiễm bẩn ít) * Ngâm dụng cụ trong 20 phút | * Mỗi ngày * Mỗi tuần | 0,05% | ½ muỗng cà phê (*hoặc dùng thiết bị định lượng sẳn sử dụng nhiều lần*) | Theo hướng dẫn ghi trên nhãn |
| * Khử khuẩn khi không có ca bệnh (bề mặt nhiễm bẩn nhiều) * Ngâm dụng cụ trong 10 phút | * Mỗi tuần | 0,1% | 1 muỗng cà phê (*hoặc dùng thiết bị định lượng sẳn sử dụng nhiều lần*) | 2 lần hơn |
| * Khử khuẩn khi có bệnh * Xử lý máu, dịch tiết ít | * Mỗi ngày * Xử lý ngay | 0,5% | 5 muỗng cà phê (*hoặc dùng thiết bị định lượng sẳn sử dụng nhiều lần*) | 10 lần hơn |
| * Xử lý máu, dịch tiết nhiều | * Xử lý ngay | 1% | 10 muỗng cà phê (*hoặc dùng thiết bị định lượng sẳn sử dụng nhiều lần*) | 20 lần hơn |

**2. Vệ sinh môi trường**

- Đảm bảo trong, ngoài lớp và xung quanh sạch sẽ.

- Loại trừ nơi sinh sản của muỗi.

- Hàng ngày thu gom, hủy rác, các vật phế thải có khả năng đọng nước.

- Hàng tuần tổ chức tổng vệ sinh môi trường.

- Phân công người kiểm tra phát hiện những nơi có nguy cơ đọng nước và nơi có nguy cơ chứa/đọng nước trong trường.

- Trường thực hiện hàng tuần.

**IV. TIÊM CHỦNG PHÒNG BỆNH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Vắc xin | Sơ sinh | 2 tháng | 3 tháng | 4 tháng | 5 tháng | 9 tháng | 12  tháng | 18 tháng | 24 tháng |
| Lao | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| VG B đơn giá | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| BH-UV-HG-VGB-HiB |  | x | x | x |  |  |  |  |  |
| Bại liệt |  | x | x | x | x | x |  |  |  |
| Sởi |  |  |  |  |  | x |  | x |  |
| Rubella |  |  |  |  |  |  |  | x |  |
| BH-UV-HG |  |  |  |  |  |  |  | x |  |
| VNNB |  |  |  |  |  |  | x |  | x |

**Yêu cầu:**

* Phụ huynh nộp sổ tiêm chủng photo của học sinh vào mỗi đầu năm học
* Hoàn thành danh sách học sinh theo mẫu thống kê tiền sử tiêm chủng
* Nhân viên y tế trường học tổng hợp, thống kê kết quả rà soát tiền sử tiêm chủng toàn trường → gửi báo cáo kết quả kèm danh sách trẻ thiếu mũi tiêm cho Trạm Y tế.
* Trạm Y tế hướng dẫn trường vẫn động phụ huynh đưa con đi tiêm, gửi danh sách trẻ thiếu cho Trạm Y tế nơi khác (nếu có)
* Trạm Y tế tổng hợp kết quả toàn phường gửi về Trung tâm Y tế (qua khoa Kiểm soat bệnh tật)
* Khoa kiểm soát bệnh tật tổng hợp kết quả và gửi danh sách trẻ thiếu mũi cho các Quận/Huyện khác (nếu có)
* **Các bước thực hiện chính để hoàn thành tiêm đầy đủ cho trẻ**

**Bước 1:** Khoa Kiểm soát bệnh tật phụ trách giám sát, hướng dẫn Trạm Y tế xử lý kết quả

**Bước 2:** Trạm Y tế phối hợp nhà trường mời trẻ ra tiêm/tổ chức buổi tiêm tại trường

**Bước 3:** Nhà trường vận động phụ huynh đi tiêm

**Mẫu thống kê tiêm chủng**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ tên | Ngày sinh | Giới tính | Địa chỉ hiện tại | | | Số điện thoại phụ huynh | Trẻ có phiếu/sổ tiêm chủng | Mã tiêm chủng trên phiếu/sổ | Ngày tiêm | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
| Lao | VGB sở sinh | BH-HG-UV-VGB-Hib-BL | BH-HG-UV-VGB-Hib-BL | BH-HG-UV-VGB-Hib-BL | Bại liệt tiêm (IPV) | Sởi | | BH-HG-UV | Viêm não nhật bản B | | |
| Số nhà, đường | Phường/  Xã | Quận/  Huyện |  |  | Mũi 1 | Mũi 2 | Mũi 3 | Mũi 2 | Mũi 1 | Mũi 2 | Mũi 4 | Mũi 1 | Mũi 2 | Mũi 3 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 16 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Lưu ý:**

*Cột (3) ngày sinh theo định dạng: dd/mm/yyyy*

*Cột (10) mã số sổ/phiếu tiêm chủng: là dãy số có 15 số*

*Ngày tiêm: định dạng dd/mm/yyyy*

**V. TRUYỀN THÔNG**

**1. Nội dung:**

- Cập nhật nội dung truyền thông mới nhất theo quy định

**2. hình thức:**

- Treo băng rôn, pano, bích chương, tờ rơi, bảng tin truyền thông trước cửa lớp, hoặc các hình thức truyền thông sáng tạo phù hợp với địa phương, trường học (phải đảm bảo đúng theo nội dung hướng dẫn của Bộ Y tế, Sở Y tế, HCDC)

**VI. AN TOÀN THỰC PHẨM**

Sử dụng thực phẩm rõ nguồn gốc

Thực phẩm đóng hộp, đóng gói không bị móp méo, biến dạng

Sử dụng thực phẩm theo quy định và hướng dẫn của nhà sản xuất

Đảm bảo vệ sinh trong chế biến thực phẩm

Bảo quản thực phẩm: màng bọc thực phẩm, tủ lạnh,…

**Luôn cập nhật hướng dẫn, quy định mới nhất để đảm bảo thực hiện đúng, hiệu quả trong việc phòng, chống bệnh truyền nhiễm tại trường học.**

**Quy định báo cáo bệnh truyền nhiễm trường học**

**1. Đột xuất**

Báo cáo ngay khi phát hiện các tình huống theo danh mục đính kèm tại công văn 2903/SYT-NVY ngày 20/04/2023 (đính kèm mẫu)

Báo ngay khi có nhiều trường hợp có vấn đề sức khỏe trong cùng thời điểm

**2. Hàng ngày**

Khi có ổ dịch/chùm ca bệnh truyền nhiễm tại trường; các thời điểm có nguy cơ cao, diễn biến bệnh truyền nhiễm phức tạp thì nên báo cáo mỗi ngày về Trạm Y tế (*không có thì báo cáo “không có ca bệnh*”).

**3. Hàng tháng (***biểu mẫu đính kèm***)**

Danh sách bệnh truyền nhiễm ghi nhận từ ngày 1 đến ngày cuối tháng (file đã cập nhật hàng ngày)

Không có thì báo cáo “Không có ca bệnh”

**Các biểu mẫu dành cho trường**

**1.** Sổ điểm danh: trường có thể sử dụng mẫu của trường hoặc ngành giáo dục, tuy nhiên phải đảm bảo thể hiện được lý do nghỉ học, nếu nghỉ phép do bệnh thì ký hiệu (B), nghỉ phép khác (P).

**2.** Sổ theo dõi học sinh nghỉ bệnh: theo file mẫu hoặc sổ, phải đầy đủ thông tin cần thiết

**3.** Báo cáo tháng **(***biểu mẫu đính kèm***)**

Gửi mail cho Trạm Y tế hàng tháng

**4.** Báo cáo ổ dịch hàng ngày: thực hiện khi có ổ dịch

**MẪU ĐIỂM DANH TỪNG LỚP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên** | **Ngày** | | | | | **Tổng số ngày nghỉ** |
| 1 | 2 | … | 30 | 31 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số học sinh vắng | |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số vắng do bệnh | |  |  |  |  |  |  |
| Ghi chú | | | | | | | |

**SỔ THEO DÕI HỌC SINH NGHỈ BỆNH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên** | **Lớp** | **Năm sinh** | | **Số nhà, đường** | **Phường/**  **Xã** | **Quận/**  **Huyện** | **Số điện thoại** | **Chẩn đoán bệnh** | **Triệu chứng** | **Xử trí (đối với trường hợp phát hiện hs bệnh tại trường** | | | **Số ngày nghỉ** |
| **Nam** | **Nữ** | **Tại trường** | **Ngày, giờ báo cáo phụ huynh** | **Ngày giờ báo cáo y tế** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
|  | **Ngày 01/01/2023** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | Nguyễn Văn A | | | | … | … | … | … | … | … | … | … | … | … |
|  | **Ngày 02/02/2023** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | Không có học sinh bệnh | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Tổng kết tháng:…

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số ca bệnh | SXH:… | TCM… | Khác (ghi rõ):… |  |
| Số lớp có học sinh bệnh:… |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Mẫu báo cáo ổ dịch**

* **Báo cáo ngay khi phát hiện và báo cáo hàng ngày cho đến khi hết ở dịch**

**BÁO CÁO THEO DÕI Ổ DỊCH HÀNG NGÀY**

**TẠI: TRƯỜNG:**

Địa chỉ:

Đơn vị báo cáo:

Ngày báo cáo:

Nội dung báo cáo:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lớp** | **Số ca bệnh mới trong ngày** | **Cộng dồn** | **Ghi chú** |
| 1 | (Tên lớp) | (\*) |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

(\*): nếu không có ca bệnh mới ghi rõ số “0”

**Danh sách ca bệnh mới:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên** | **Giới** | **Tuổi** | **Lớp** | **Địa chỉ cư ngụ** | **Ngày khởi bệnh** | **Chẩn đoán** | **Nơi chẩn đoán** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu báo cáo tháng bệnh truyền nhiễm tại trường học**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 11  **TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| **BÁO CÁO BỆNH TRUYỀN NHIỄM TRƯỜNG HỌC THÁNG** … | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên** | **Lớp** | **Năm sinh** | | **Số nhà, đường** | **Phường/**  **Xã** | **Quận/**  **Huyện** | **Số điện thoại** | **Chẩn đoán bệnh** | **Ngày mắc bệnh** | **Số ngày nghỉ** | **Ghi chú** |
| **Nam** | **Nữ** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Tổng kết tháng …

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số ca bệnh:…  Số lớp có học sinh bệnh:… | SXH:… | TCM:… | Thủy đậu:… | Quai bị:… | Khác:… |
|  |  |  |  |  |  |
| **Người báo cáo** |  |  | **HIỆU TRƯỞNG** | | |

**Lưu ý:** *Số liệu báo cáo tháng A/C có thể copy từ “Sổ theo dõi học sinh nghỉ học”(cột (1) đến (10)*